
Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST;
Ngày 28 - 12 - 2023;
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Phạm Thanh Hải**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Văn Học**.
2. Ông **Lê Xuân Sơn**.

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Ngô Thị Mơ** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:* Ông **Nguyễn Đức Trường** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 164/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2023/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Đỗ Văn T**, sinh năm 1989; *Có mặt*.

Địa chỉ: Thôn TL, xã Trạch ML, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Chị **Võ Thị Mỹ L**, sinh năm 1994; *Vắng mặt*.

Địa chỉ: Thôn TL, xã Trạch ML, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn trình bày:**

Anh Đỗ Văn T và chị Võ Thị Mỹ L đăng ký kết hôn tại UBND xã Trạch ML, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội vào ngày 05/03/2015.

Sau khi kết hôn, chị L về chung sống cùng gia đình anh tại thôn TL, xã Trạch ML, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường với nhau được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh và chị L tính cách trái ngược, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng anh thường xuyên xảy ra tranh cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc. Từ năm 2016 đến nay, chị L đi làm ở nội thành Hà Nội thi thoảng mới về. Anh có khuyên chị L về gần nhà làm việc để vợ chồng ở gần nhau tiện chăm sóc gia đình và con nhỏ nhưng chị L không nghe. Thời gian anh và chị L chung sống với nhau không nhiều, chị L cũng hời hợt không có tình cảm với anh, vợ chồng coi như sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Hiện nay, chị L chặn liên lạc với anh, chỉ thi thoảng gọi cho mẹ anh để gặp con hoặc về nhà anh gặp con một lúc rồi rời đi. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L để anh sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh và chị L có với nhau 01 con chung là cháu Đỗ Bảo Q, sinh ngày 01/7/2015. Hiện nay cháu Q đang ở với anh. Khi ly hôn, anh đề nghị được tiếp tục nuôi cháu Q và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh đang đi làm thợ cơ khí tại địa phương, thu nhập trung bình tháng của anh là 10.000.000đ. Anh đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ anh tại thôn TL, xã Trạch ML, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

Về tài sản chung, công sức, nợ: Anh T không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, anh không có yêu cầu đề nghị gì khác

***Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập và niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với chị Võ Thị Mỹ L nhưng chị L không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án và không đến làm việc. Vì vậy, không có quan điểm của chị L về việc giải quyết vụ án.**

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của mẹ đẻ anh T là bà Hà Thị Hiền và được bà Hiền cho biết như sau: Năm 2015, con trai bà kết hôn cùng chị Võ Thị Mỹ L, sinh năm 1994; Quê quán: Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, chị L về chung sống cùng con trai bà tại thôn TL, xã Trạch ML, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội. Anh T và chị L có với nhau 01 con chung là cháu Đỗ Bảo Q, sinh ngày 01/7/2015.

Quá trình chung sống, bà thấy các con chỉ hạnh phúc bình thường được một thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng trái ngược tính cách, bất đồng quan điểm sống. Gia đình bà cũng khuyên giải cho các con hòa thuận, đoàn tụ nhưng không có kết quả.

Từ khoảng năm 2016, chị L xin phép gia đình cho đi làm ở nội thành Hà Nội. Thời gian đầu chị L về hàng tuần. Sau dần thì nhiều tháng mới về thăm con một lần nhưng cũng không chuyện trò gì với anh T, vợ chồng không ngủ chung cùng nhau. Anh T và gia đình bà có khuyên chị L về làm

gần nhà để vợ chồng chung sống với nhau, nuôi con nhưng chị L không nghe, không về. Anh T và chị L coi như sống ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay. Nay con trai bà làm đơn xin ly hôn chị L thì bà tôn trọng quyết định của con, đề nghị Tòa án giải quyết cho con bà được ly hôn để cho anh T được sớm ổn định cuộc sống.

Cháu Q ở với anh T và hiện nay đang theo học tại trường tiểu học Trạch ML. Chị L chỉ thi thoảng về thăm con. Vì thế khi ly hôn đề nghị Tòa án giao cháu Q cho anh T nuôi. Bố con anh T đều đang sống cùng vợ chồng bà tại thôn TL, xã Trạch ML. Gia đình bà có ngôi nhà 03 tầng xây dựng kiên cố, rộng rãi.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì được trưởng thôn TL, xã Trạch ML, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội cung cấp thông tin: Vợ chồng anh Đỗ Văn T và chị Võ Thị Mỹ L là người dân sống tại thôn TL, xã Trạch ML. Anh T và chị L có 01 con chung là cháu Đỗ Bảo Q, sinh năm 2015. Theo ông được biết thì từ năm 2016 đến nay, anh T và chị L không còn chung sống cùng nhau nữa. Ông cũng không biết lý do vì sao. Anh T và con sống cùng nhà với bố mẹ đẻ anh T tại thôn TL, xã Trạch ML.

Tại phiên tòa, anh T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị L và đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đỗ Bảo Q sau khi vợ chồng anh ly hôn. Anh T không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, chung, công sức: không có; Về nợ: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử:

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Đỗ Văn T được ly hôn chị Võ Thị Mỹ L.

Về con chung: Giao cháu Đỗ Bảo Q, sinh ngày 01/7/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức, nợ: Anh T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của anh Đỗ Văn T. Bị đơn là chị Võ Thị Mỹ L có hộ khẩu thường trú tại Thôn TL, xã Trạch ML, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, chị L vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Võ Thị Mỹ L là đúng pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Anh Đỗ Văn T và chị Võ Thị Mỹ L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trạch ML, huyện Phúc Thọ vào ngày 05/03/2015, việc kết hôn tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, hai bên bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2016 đến nay, hai vợ chồng đã sống ly thân; mặc dù được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng cuộc sống vợ chồng giữa anh T và chị L không được cải thiện. Quá trình giải quyết vụ án, chị L vắng mặt. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ tham dự phiên hòa giải nhưng chị L đều vắng mặt. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng thì: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Như vậy hiện tại anh T và chị L đã sống ly thân và đều không thực hiện đúng nghĩa vụ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh T và chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét cho anh T được ly hôn chị L là phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Anh T và chị L có 01 con chung là cháu Đỗ Bảo Q, sinh ngày 01/7/2015. Hiện nay cháu Q đang sống cùng anh T tại thôn TL, xã Trạch ML, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi phải căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của các bên và nguyện vọng của con để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con. Nguyện vọng của anh T là được tiếp tục

nuôi cháu Q khi vợ chồng ly hôn. Anh T có chỗ ở ổn định là nhà 03 tầng của bố mẹ anh tại thôn TL, xã Trạch ML. Hiện nay anh đang đi làm thợ cơ khí tại địa phương, thu nhập trung bình mỗi tháng của anh khoảng 10.000.000đ. Xét nguyện vọng được nuôi con của anh T là chính đáng. Cháu Q cũng muốn được tiếp tục ở với anh T khi bố mẹ cháu ly hôn. Hơn nữa, chị L không đến Tòa án để làm việc, không có ý kiến trình bày về việc nuôi con nên HĐXX thấy cần giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng ly hôn là phù hợp. Do anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, công sức, nợ: Anh Đỗ Văn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.2]. Về án phí: Anh Đỗ Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Văn T, cho anh Đỗ Văn T được ly hôn chị Võ Thị Mỹ L.

+ Về con chung: Giao cháu Đỗ Bảo Q, sinh ngày 01/7/2015 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác về quyền nuôi con chung.

Ghi nhận việc anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục, con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, công sức, nợ: Ghi nhận anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp chị L có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

+ Về án phí: Anh Đỗ Văn T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0013020 ngày 02/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

+ Về quyền kháng cáo: *Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;*

Anh Đỗ Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Võ Thị Mỹ L có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- UBND xã Trạch ML;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hải

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

